

Tâm lý coi trọng mưu kế của người Trung Hoa trong một số tiểu thuyết của Diêm Liên Khoa

Nguyễn Thị Tuyết

Khoa Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Lang

Email: tuyet.nt@vlu.edu.vn

Ngày nhận bài: 23/01/2025; Ngày sửa bài: 01/06/2025; Ngày duyệt đăng: 15/06/2025

Tóm tắt

Trung Hoa là một nền văn minh lớn, có lịch sử, văn hoá lâu đời, ảnh hưởng đến nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Bài viết phân tích tâm lý coi trọng mưu kế của người Trung Hoa qua một số tiểu thuyết tiêu biểu của nhà văn đương đại Diêm Liên Khoa. Ứng dụng lý thuyết tâm lý học văn hóa và cách tiếp cận liên ngành, nghiên cứu khẳng định, các tác phẩm của họ Diêm phản ánh rõ nét nguyên tắc tâm lý coi trọng mưu kế trong văn hóa ứng xử và cơ chế vận hành của thiết chế xã hội Trung Hoa thời hiện đại. Nhà văn thẳng thắn phơi bày hiện thực lịch sử và các đặc điểm tâm lý con người trong những hoàn cảnh khốc liệt và phi lý của thời kỳ Đại Nhảy vọt và Cách mạng Văn hóa. Như một chiến lược gia thực thụ, Diêm Liên Khoa nhấn mạnh rằng hoạt động sáng tạo nghệ thuật cũng là một hành vi văn hóa. Việc ông phát hiện và triển khai chủ nghĩa thần thực vừa là một chiến lược tự sự sáng tạo, vừa là một phương tiện phản ánh chân xác dân tộc tính.

Từ khoá: chủ nghĩa thần thực, Diêm Liên Khoa, mưu kế, tâm lý học văn hóa, Trung Hoa

The Chinese Mentality of Worshipping Stratagems in Yan Lianke's Novels

Nguyen Thi Tuyet

Faculty of Social Sciences and Humanities, Van Lang University

Correspondence: tuyet.nt@vlu.edu.vn

Received: 23/01/2025; Revised: 01/06/2025; Accepted: 15/06/2025

Abstract

China, a major civilization with a rich historical and cultural heritage, has profoundly influenced numerous countries regionally and globally. This study examines the Chinese psychological emphasis on strategic thinking through the lens of contemporary novelist Yan Lianke's representative works. Employing a cultural psychology framework and an interdisciplinary approach, the analysis argues that Yan's novels vividly illustrate the prioritization of strategic thinking within social behavior patterns and the operational mechanisms of modern Chinese institutions. Yan unflinchingly reveals historical realities and individual psychological traits amidst the harsh and absurd conditions of the Great Leap Forward and the Cultural Revolution. As a consummate literary strategist, Yan underscores that artistic creation is deeply embedded in cultural contexts. His development and application of mythorealism serve not only as an innovative narrative strategy but also as a powerful vehicle for expressing national identity.

Keywords: China, cultural psychology, mythorealism, stratagems, Yan Lianke

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu, khi mọi làn ranh giới tư tưởng và văn hóa càng trở nên mờ nhạt thì tâm hồn và tính cách dân tộc chính là yếu tố cốt lõi khu biệt bản sắc của một nền văn hóa. Từ thời cổ đại, ở phương Tây, Herodotus đã chú trọng mô tả những đặc điểm văn hóa và hành vi của các dân tộc khác ngoài Hy Lạp, như người Ba Tư và người Ai Cập; ở phương Đông, Tôn Tử đã đúc kết thành nguyên lý “*Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng*” (Tôn Vũ (-); Minh Đức và Minh Lâm dịch, 2023: 79). Đặc biệt, từ sau chiến tranh Thế giới I, làn sóng nghiên cứu tâm lý tính cách dân tộc càng được mở rộng để phục vụ mục tiêu quân sự và chính trị. Bằng phương pháp điều tra thái độ, hành vi và quan niệm về các giá trị cơ bản của một cộng đồng, Benedict (1947) đã chỉ ra tính cách của người Nhật Bản, còn Bateson và Mead (1942) đã nghiên cứu đặc trưng văn hóa của người Bali thông qua phân tích 28.000 bức ảnh về các khía cạnh khác nhau trong đời sống và cho rằng “*nghiên cứu tính cách dân tộc là một thử nghiệm nhằm tìm ra cái cách mà ứng xử văn hóa được nhận biết trong cấu trúc nội tâm thần của các cá nhân thành viên trong nền văn hóa ấy*” (Đỗ Lai Thúy, 2007: 13).

Từ vùng Trung Nguyên (thuộc tỉnh Hà Nam ngày nay), người Hoa Hạ đã xây dựng và phát triển nền văn hóa rực rỡ, liên tục không ngừng và có sức ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều quốc gia và khu vực. Trong bối cảnh hiện nay, sự trỗi dậy của Trung Quốc không chỉ làm thay đổi cục diện kinh tế và chính trị toàn cầu mà còn đặt ra các câu hỏi quan trọng về trật tự thế giới hiện đại và tương lai. Vì vậy, tìm hiểu về tính cách văn hóa đất nước này luôn là điều cần thiết, đặc biệt, từ điểm nhìn bên trong mang tính tự duy phản biện như Diêm Liên Khoa. Là nhà

văn bị cảm đoán nhiều nhất ở đại lục, bởi lối viết táo bạo, trực diện, phê phán sâu sắc các vấn đề xã hội và lịch sử, song văn chương của họ Diêm không chỉ gây chú ý bởi các vấn đề cụ thể mà còn đặt ra câu hỏi lớn về giá trị nhân văn, vai trò của quyền lực và bản chất con người. Vì thế tác phẩm của ông thu hút nhiều nhà nghiên cứu từ khắp nơi trên thế giới và có thể chia thành các xu hướng chính như: nghiên cứu chủ nghĩa hiện thực trong mối quan hệ với lịch sử văn hóa, nghiên cứu nghệ thuật tự sự và cấu trúc tiểu thuyết, nghiên cứu so sánh và liên văn hóa, nghiên cứu chủ nghĩa thần thực,... Kết quả của các xu hướng trên không hoàn toàn tách biệt và có ý nghĩa quan trọng. Bao quát các xu hướng trên Moratto và Choy (2022) đã nghiên cứu nhiều phương diện nội dung tư tưởng lẫn nghệ thuật, trong đó thuật ngữ “*mythorealism*” là một trong những chủ đề trung tâm, được tìm hiểu ở nhiều khía cạnh: chủ nghĩa thần thực trong mối liên hệ với vấn đề kiểm duyệt, gắn với đặc tính của chính trị, xã hội Trung Hoa, hoặc trong mối liên hệ với chủ nghĩa siêu thực (hyperrealism). Chủ nghĩa thần thực là cách tân nghệ thuật mang tính chiến lược của Diêm Liên Khoa, phản ánh mã gen nghệ thuật Trung Hoa.

Ứng dụng lý thuyết tâm lý học văn hóa (cultural psychology) bài viết này tập trung nghiên cứu cách văn hóa Trung Hoa đã định hình tư duy, cảm xúc, và hành vi con người, mà cụ thể là tâm lý coi trọng, sử dụng mưu kế của người Trung Hoa, thông qua một số tiểu thuyết tiêu biểu của Diêm Liên Khoa.

2. Văn hóa mưu kế từ truyền thống đến tiểu thuyết Diêm Liên Khoa

2.1. Mưu kế và tâm lý coi trọng mưu kế trong văn hóa Trung Hoa

Mưu/ mưu kế, về cơ bản, đều chỉ “*cách*

khôn khéo, nghĩ ra để đánh lừa đối phương nhằm đạt mục đích của mình” (Hoàng Phê và cộng sự, 2003: 654). Trên thực tế, “cách khôn khéo” được đề cập trên đây không đơn thuần chỉ là cách làm, mà là sự thấu hiểu bao quát về tình và cảnh, thời và thế, người và ta,... Trên cơ sở đó đề ra một chiến lược cụ thể với các phương pháp và phương tiện cần thiết. Mưu kế tự thân bao hàm các khía cạnh ý nghĩa tích cực (tài trí) và tiêu cực (thủ đoạn) và sử dụng các phương tiện hữu hình và vô hình (tâm lý), bạo động và bất bạo động nhằm đạt được mục đích. Ở phương Đông nói chung và Trung Quốc nói riêng, quan niệm về mưu kế thường gắn liền với sự khôn ngoan, linh hoạt trong việc đối nhân xử thế và xử lý tình huống. Khái niệm này có vai trò quan trọng trong tư tưởng của Nho gia, Đạo gia và Binh gia. Có lẽ không dân tộc nào không ca ngợi và tôn trọng tài trí nên mưu kế luôn được đúc rút thành những “túi khôn” lưu truyền hậu thế. Song, hiếm có dân tộc nào tôn trọng truyền thống ấy như người Trung Hoa, đối với họ, “*mưu kế đã trở thành một đặc trưng văn hóa*” (Liu, 2017: 52).

Nền văn minh Trung Hoa có tính tổ chức cao và tính liên tục lâu dài về ngôn ngữ và ý thức hệ, và đây cũng trở thành một yếu tính trong bản sắc văn hóa, văn học Trung Quốc. Trải dài trên dưới 5000 năm lịch sử, tư tưởng Trung Quốc đã lưu giữ những hằng số văn hóa dân tộc, đồng thời có những vận động tiếp biến, lai ghép các yếu tố văn hóa ngoại lai, trên cơ sở vận dụng linh hoạt “túi khôn” của dân tộc và nhân loại. Biểu hiện điển hình nhất cho tính liên tục ấy chính là sức sống của *Chu Dịch* (*Kinh Dịch*) trong văn hóa Trung Hoa. Đó là hệ tư tưởng đề cao nguyên lý biến dịch và sự hài hòa, thống nhất giữa các mặt đối lập của vạn vật, giữa thiên nhiên và con người, giữa tiểu vũ trụ và

đại vũ trụ,...và phản ánh cảm quan về toàn cảnh vũ trụ của người cổ đại một cách sâu sắc. Bản thân *Kinh Dịch* và ứng dụng *Kinh Dịch* một cách sáng tạo trong đời sống là tiền đề để mưu kế ra đời và được coi trọng ở Trung Hoa.

Mặt khác, lịch sử Trung Hoa là những lần thay triều đổi đại theo một chu kỳ nhất định, và vì thế, nó cũng là lịch sử của những trận chiến mưu kế. Đặc biệt, thời kỳ Xuân Thu - Chiến Quốc (770-221 TCN), trùng với thời kỳ mà Karl Jaspers gọi là “Thời kỳ trục” (*Axial Period*) của nền văn minh nhân loại (Jaspers, 1953: 9). Ở Trung Quốc, thời kỳ này, xuất hiện nhiều trường phái triết học chính trị và nhân sinh của chư tử như Khổng Tử, Lão Tử, Hàn Phi Tử,... Trọng tâm trong tư tưởng của họ là chỉ ra cách “trị dân”, với những chiến lược, phương pháp và lý luận khác nhau. Xét một cách tổng quan, tư tưởng của các bậc chân nhân trong lịch sử Trung Hoa được truyền tụng muôn đời như Khương Tử Nha (*Thái công binh pháp*), Khổng Phu Tử (*Luận ngữ*), Lão tử (*Lão tử*), Quỷ Cốc Tử (*Quỷ cốc mưu lược toàn thư*), Tôn Tử (*Binh pháp Tôn Tử*),... đều đề cao mưu kế; mưu kế là yếu tố then chốt, quyết định sự thành bại trên chiến trường. Ví như *Binh pháp Tôn Tử*, nghệ thuật chiến tranh, coi “*thượng sách trong việc dùng binh là lấy mưu lược để thắng địch*” (Tôn Vũ (-); Minh Đức và Minh Lâm dịch, 2023: 85); “*công tâm chiến*” (tấn công vào sách lược của địch) là thượng sách, “*binh chiến*” (giáp chiến trực tiếp với địch) là hạ sách; nhằm đạt mục đích “*khuất phục địch mà tránh được giao tranh, chiếm được thành trì mà không phải công thành*” (Jullien, 1995; Hoàng Ngọc Hiến và cộng sự dịch, 2011). Đó chính là chiến thuật *chính/trực* (chính diện nghinh chiến) và *kỳ/vu* (vòng vo đánh úp). Trong thực tế, hai chiến thuật ấy được

vận dụng linh hoạt và chuyển hóa liên tục, nhằm khai thác tiềm năng gần như vô tận của chiến lược. Nghệ thuật dụng binh kỳ diệu ấy được triển khai từ nguyên lý biến dịch của âm và dương, của hữu vi và vô vi. Nếu xem dương, cái hữu vi là yếu tố hiển lộ thì âm, vô vi chính là những cấu trúc ngầm ẩn có quan hệ mật thiết với cái hiển lộ ấy. Người Trung Quốc thiên về tư duy bao quát và họ đã chỉ ra mô hình của vũ trụ, của nhân sinh trong trật tự của một bàn cờ vây, của vô số biến dịch dựa trên một số yếu tố cơ bản. Kiểu tư duy ấy còn được phản ánh một cách tự nhiên trong ngôn ngữ, trong văn học, hội họa,... Đó là dạng nghệ thuật luôn vận động giữa các mặt giữa ý và lời, giữa hiện diện và khiếm diện, giữa hàm ẩn và hiển ngôn.

Như vậy, kiểu tư duy tổng hợp mang đặc trưng của phương Đông và tính chất liên tục thay triều đổi đại trong suốt tiến trình lịch sử dân tộc là những yếu tố quan trọng để mưu kế và văn hóa mưu kế hình thành, phát triển, trở thành một nét nổi bật trong bản sắc văn hóa Trung Hoa. Mưu kế và tâm lý coi trọng mưu kế không chỉ trở thành yếu tố chiến lược trong tư duy binh pháp mà còn ảnh hưởng đến tất cả các phương diện khác của văn hóa, cũng như văn học nghệ thuật.

2.2. Mưu kế như một hành vi văn hóa trong tiểu thuyết Diêm Liên Khoa

Viết văn từ những năm 1980, Diêm Liên Khoa gia nhập vào dòng văn học hương thổ (viết về nông thôn) và dòng văn học phản tỉnh dân tộc. Các tác phẩm của ông tập trung vào mối quan hệ giữa thiết chế xã hội và số phận của con người, cụ thể là người nông dân và người trí thức trong bối cảnh lịch sử khốc liệt của thời kỳ Đại nhảy vọt (1958-1962), thời Cách mạng Văn hóa (1966-1976) và Cải cách mở cửa (1976-2000). Thông qua việc miêu tả hiện thực xã

hội trong trạng thái cùng cực, bi thảm, thậm chí quái dị và ghê rợn, nhà văn đã phóng chiếu những cấu trúc tinh thần sâu kín của người Trung Hoa, đồng thời cảnh báo nguy cơ suy yếu nhân tính trong bối cảnh hiện đại. Vì thế, mỗi tác phẩm của họ Diêm đều trở thành một hiện tượng văn học, tiêu biểu như *Nàng Kim Liên ở trấn Tây Môn* (1997), *Kiên ngạnh như thủy* (2001), *Vì nhân dân phục vụ* (2005) (bản dịch tiếng Việt: *Người tình phu nhân sư trưởng*), *Đỉnh Trang mộng* (2006), *Thụ hoạt* (2007), *Phong Nhã Tụng* (2008), *Tứ thư* (2011), ...

Từ nhãn quan của Diêm Liên Khoa, vấn đề quyền lực và sự sùng bái quyền lực là yếu tố cốt lõi chi phối đời sống con người. Hầu hết, không gian nghệ thuật trong tác phẩm là một thôn làng khép kín ở dãy núi Bả Lâu. Trong không gian ấy, con người bị quyền lực chi phối và họ nỗ lực giành được quyền lực bằng tất cả mưu kế và thủ đoạn. Đây là hành vi phổ biến trong mô hình tâm lý các nhân vật, cụ thể, ở lời đề từ của chương năm tác phẩm *Kiên ngạnh như thủy*, khẳng định: “*Muốn đạt được mục đích, bạn không thể không dùng thủ đoạn, điều này là thứ không cần phải bàn cãi nữa*” (Diêm Liên Khoa, 2001; Minh Thương dịch, 2014a: 135). Trong vô số mưu kế khác nhau, hành vi nhân danh điều tốt đẹp để thực hiện mưu đồ xấu xa là nét tâm lý phổ biến. Lấy danh nghĩa lợi ích chung của tập thể - lớn thì vì quốc gia, dân tộc; nhỏ thì vì thôn trang, làng xóm - để thực hiện mưu đồ cá nhân là hành vi phổ biến trong cách ứng xử của các nhân vật. Đặc biệt, lãnh đạo, cấp trên thường sử dụng chiêu thức này nhằm thuyết phục quần chúng, cấp dưới coi việc thực hiện nhiệm vụ như một trách nhiệm cao quý và vẻ vang, chẳng hạn như Sư trưởng (trong *Vì nhân dân phục vụ*), Cao Ái Quân, bí thư Quan (trong *Kiên ngạnh như*

thủy), Con Trời (trong *Tứ thư*) hoặc trưởng thôn Khánh và Nhị Lang (trong *Nàng Kim Liên ở trấn Tây Môn*).

Ngô Đại Vượng là anh lính gốc nông dân thật thà chất phác, luôn nỗ lực phấn đấu nên được cấp trên điều đến nhà Sư trưởng làm công việc cấp dưỡng với tôn chỉ “*nguyên tắc quan trọng nhất là vì gia đình thủ trưởng phục vụ tức là vì nhân dân phục vụ*” (Diêm Liên Khoa, 2005; Vũ Công Hoan dịch, 2008) và coi đây là sự nghiệp thiêng liêng, coi Sư trưởng và gia đình Sư trưởng như cha mẹ mà dốc lòng phục vụ “*như giành cho bố mẹ mình toàn bộ lòng hiếu thảo*”. Không chỉ làm công việc nấu nướng, chợ búa mà anh hoàn thành tất cả mọi việc kể cả việc phục vụ Lưu Liên, với lý luận: làm cho phu nhân hạnh phúc là đã giúp gia đình Sư trưởng ấm êm, giúp Sư trưởng an tâm phục vụ quốc gia, cũng là phục vụ nhân dân.

Nếu Lưu Liên dùng khẩu hiệu cách mạng “*Vì nhân dân phục vụ*” để thỏa mãn dục vọng, lạc thú cá nhân thì Sư trưởng lợi dụng Đại Vượng như một cách cứu vớt danh dự đàn ông, nhằm giữ vững bản lĩnh tướng quân mà không quan tâm đến cuộc đời, số phận của Ngô và biết bao nhiêu quân nhân khác. Khi mưu kế đã thành (Lưu Liên có thai), Sư trưởng không ngần ngại “*giải tán toàn bộ đội đang ở trong doanh trại, người nào cũng phải hạ sao, cởi bỏ quân phục*” (Diêm Liên Khoa, 2005; Vũ Công Hoan dịch, 2008). Người hiểu rõ nhất cơ sự và vì thế cũng đau đớn nhất chính là Ngô Đại Vượng, dẫu anh đã thực hiện được cam kết với người vợ là trở thành cán bộ và chuyển hộ khẩu cho vợ con ra thành phố. Nhưng đến cuối cùng anh mới lờ mờ nhận ra bản thân chỉ là một con tốt “*Ngô Đại Vượng đã lảng máng cảm nhận toàn bộ diễn biến của mối tình này, hình như ngay từ lúc bắt đầu, đã nằm trong kế hoạch vạch sẵn*

bắt đầu như thế nào, kết thúc ra sao, đều như một vở kịch có đạo diễn điều hành giạt dây ở phía sau sân khấu” (Diêm Liên Khoa, 2005; Vũ Công Hoan dịch, 2008).

Vì nhân dân phục vụ có lẽ là tác phẩm trực tiếp và điển hình nhất của Diêm Liên Khoa phản ánh mô hình tâm lý văn hóa nhân danh tập thể vì lợi ích của cá nhân. Tác phẩm đã lật tẩy và tung hô các giá trị núp dưới cái bóng lý tưởng cao cả mà thế hệ trước tôn thờ. Từ nhan đề mang màu sắc giấu nhai cộng hưởng với bối cảnh thời đại cách mạng, sứ mệnh phục vụ nhân dân của Ngô Đại Vượng vốn thiêng liêng, cao cả lại trở nên bi hài tột độ. Sắc thái ở phần đầu tác phẩm càng trang nghiêm, về cuối tác phẩm càng trở nên bi đát. Bộ mặt của Sư trưởng lộ diện, khi quyền lực của ông vững vàng, trái lại, sứ mệnh và tình yêu mà Đại Vượng vốn tôn thờ một cách ngây thơ lại bị chà đạp không thương tiếc. Tất cả như một màn kịch, một trò lừa đảo khủng khiếp.

Hành vi nhân danh cách mạng, nhân danh nhân dân, nhân danh tập thể phổ biến trong nhiều tác phẩm của họ Diêm khá quát đặc trưng văn hóa phương Đông coi trọng cái chung/ cộng đồng hơn cái riêng/ cá nhân. Đặc biệt trong thời kỳ Cách mạng, văn hóa nhân danh lại càng bị lợi dụng. Thời kỳ mà “*sinh tồn và sống không phải là việc quan trọng nhất với người Trung Quốc mà cách mạng mới là đại sự duy nhất của quốc gia*” (Diêm Liên Khoa, 2014; Minh Thương dịch, 2014b). Trong môi trường ấy, hành vi nhân danh được thể chế hóa, và các nhân vật cầm quyền đã lợi dụng thể chế đó để đạt mục đích riêng. Cao Á Quân và Hạ Hồng Mai (*Kiên ngạnh như thủy*) nhân danh cách mạng để nhục dục thăng hoa, để có được địa vị và quyền lực. Cấp trên đại diện là “Con trời” (*Tứ thư*), nhân danh cách mạng “đuổi Anh vượt Mỹ” để thực hiện

những ý nghĩ nông cuồng của cá nhân như thi đua báo cáo sản lượng nông nghiệp, phát động toàn dân sản xuất thép, cưỡng bức cải tạo tầng lớp trí thức, trồng lương thực bằng máu người. Hậu quả của những chính sách sai lầm, phản khoa học ấy là nhân dân cả nước chết đói như ngã rạ, nhưng quốc dân đồng bào lại bị đánh lừa: *“Nước nhà đã gặp nạn là bị người nước ngoài, người phương Tây bóp cổ nước nhà nên mới bị đói kém to như thế. Quốc dân và đồng bào đều nên oán hận bọn nước ngoài, bọn mắt xanh mũi lõ phương Tây ấy”* (Diêm Liên Khoa, 2011a; Châu Hải Đường dịch, 2019: 225-226).

Hầu hết, tiểu thuyết của Diêm Liên Khoa đều viết về những ngôi làng: làng Thụ hoạt, Thôn Đình Trang, Thôn Tam Tích, Trán Tây Môn, Trán Trinh Cương, khu Dục Tân, ... nhưng về bản chất là *“hình ảnh mô phỏng nước Trung Hoa thu nhỏ”* (Nguyễn Thị Tuyết, 2023: 64-77). Dẫu mỗi thôn làng được miêu tả trong những bối cảnh lịch sử khác nhau nhưng chúng đều mang nét điển hình về cách tổ chức quyền lực lẫn tâm lý tính cách con người. Ví như trán Trinh Cương, vốn là nơi cư ngụ của họ Trinh và họ Cao, còn các họ khác chỉ là thiểu số, dân được thêm vào để làng đủ quy mô trở thành trán. Từ thuở nhỏ, Cao đã luôn có một áp lực vô hình khi đi dưới cổng đá Nhị Trinh. Thời cơ đến, Cao làm cách mạng với mục tiêu là đập chùa Trinh, bỏ trước tác của Nhị Trinh (Trinh Hạo, Trinh Di) và những hương ước mà họ Trinh đã thiết lập. Nhưng Cao hiểu rằng *“Đập đi cổng đá Nhị Trinh là đập vào đầu những người họ Trinh chiếm ¾ nhân khẩu trong đại đội...”* (Diêm Liên Khoa, 2001; Minh Thương dịch, 2014a: 160). Không thể hành động lỗ mãng “lấy trứng chọi đá”, Cao đã dùng mưu kế giương đông kích tây: bí mật cho thuộc cấp bắt

những người đốt hương tế tổ ở chùa Trinh; một mặt kích động những phần tử cách mạng quá khích nêu cao khẩu hiệu đánh đổ phong kiến, đánh đổ lễ thói, tập quán cũ, nhằm cưỡng bức những kẻ đốt hương phải bị giễu phở hoặc tổng tù; mặt khác, Cao lại tỏ ra độ lượng, bảo lãnh cho họ và nhận hết trách nhiệm với cấp trên. Kế sách “đánh vào lòng người” của y đã thành công ngoài mong đợi, không chỉ thu phục được người họ Trinh mà dân trong trán cũng tự nguyện đứng về phía Cao. Lúc đó y *“không những đốt hết điện tịch, thậm chí đập cả chùa Trinh mà không ai ngăn cản”*. Tuy nhiên, Trinh Thiên Dân, nguyên cự trán trưởng, hiểu hết tính cách và mưu đồ của Cao nên đã nhanh hơn một bước, dùng kế “ve sầu thoát xác” đánh tráo tất cả kinh sách vốn ở lầu Tầng kinh thành sách của Mao, Marx, Engels, Lenin; ngụy trang *“Trình học tân ý”* bằng bìa ngoài *“Vĩ nhân dân phục vụ”*, đánh tráo *“Nhị trình toàn thư”* thành *“Mao Trạch Đông tuyển tập”* (Diêm Liên Khoa, 2001; Minh Thương dịch, 2014a: 399). Cuộc đấu trí, đấu lực giữa Cao với Trinh Thiên Thanh (bố vợ của Cao), Trinh Thiên Dân (cự trán trưởng) và Vương Chấn Hải (đương kim trán trưởng) vô cùng khốc liệt. Bằng thủ đoạn chính trị, Cao Ái Quân (và Hạ Hồng Mai) đã khiến bố vợ phát điên, cự trán trưởng chết tan xác, còn đương kim trán trưởng thì không chỉ mất chức mà còn phải ngồi tù hai mươi năm...

Tham vọng quyền lực có lẽ là một nét đặc trưng của tính cách nhân vật trong tác phẩm của Diêm Liên Khoa dù là trí thức, nông dân hay là sĩ quan cách mạng. Để có cơ hội trở thành trưởng thôn hoặc cán bộ mà Ngô Đại Vượng và Cao Ái Quân tham gia cách mạng bởi vì đây trở thành con đường tiến thân duy nhất của những kẻ “muốn trốn thoát khỏi đồng ruộng” như chính lời tự

thuật của Diêm Liên Khoa. Thêm nữa, họ đều dùng hôn nhân như một bàn đạp: con gái của trưởng thôn Trình Thiên Thanh (Trình Quế Chi), trưởng thôn Khánh (Nguyệt), kế toán Triệu (Triệu Nga),... có xấu, có béo, có đen đi chẳng nữa thì họ vẫn sẵn lòng cưới. Vì hôn nhân không tình yêu nên những cô gái này đều rơi vào bi kịch, khi người chồng nắm được quyền lực trong tay. Bi thảm nhất là Trình Quế Chi, cô phải treo cổ chết một cách tức tưởi. Vậy mà Cao Ái Quân lại xoay chuyển cái chết của vợ thành án “tự sát phản cách mạng” để một bước lên cao, tiến sát mục tiêu quyền lực của mình.

Trong hoàn cảnh khốn cùng đối diện với bệnh tật, đói rét và chết chóc, đám đông, dù là nông dân hay trí thức (*Tứ thư, Đình Trang mộng*) luôn nghi kỵ, đấu tố, lợi dụng để trả thù và phản bội lẫn nhau. Cuộc sống tập trung của cộng đồng người bị “bệnh nhiệt” hay đám đông trí thức ở khu Dục Tân cũng đều là hình ảnh xã hội nông thôn Trung Hoa thu nhỏ, với muôn kiểu “người Trung Hoa xấu xí”. Vì lòng tham, những người bị bệnh sắp chết ấy có thể trộm gạo, trộm mì, trộm áo bông, trộm tất cả những thứ vật vãnh nhất của những người bệnh sắp chết khác. Vì lòng tham, những người mụn nhọt nổi đầy mình, da xám ngoét ấy dám để gạch, ngói, đá vào bột, gạo nhằm giảm thiểu phần lương thực phải nộp. Vì lòng tham, anh em, họ hàng có thể giẫm đạp, lợi dụng cảnh ngộ của nhau để chiếm lợi. Những kẻ vốn là chú cháu, vợ chồng, anh em vậy mà không một chút trắc ẩn, trái lại, càng hiểu rõ tâm tính của đối phương, càng dễ bề ra đòn chí tử. Kẻ xấu xa, cơ hội và đáng nguyên rủa nhất trong *Đình Trang mộng* là Đình Huy, kẻ đã bán máu, bán mạng và hủy hoại tình thân, luân lý và thiên lý, chỉ vì lợi và danh. Hắn mua máu dùng chung kim tiêm,

bông băng và tái sử dụng túi đựng máu chỉ vì tiền. Hắn trục lợi kẻ khác mà cứ trưng ra bộ mặt ban ơn: hắn giúp người Đình Trang bán máu thuận tiện, giúp người chết vì bệnh nhiệt mua được quan tài (đáng ra là của chính phủ hỗ trợ) một cách dễ dàng, hắn còn là kẻ môi giới kết hôn (âm hôn) cho những linh hồn thanh thiếu niên chưa vợ chưa chồng, ... Trong mắt một ông lão, Đình Huy là “người tốt”, người đã “*giải quyết bao nhiêu vấn đề nan giải của người chết*” và “*giải quyết bao nhiêu vấn đề nan giải của người sống*” (Diêm Liên Khoa, 2006; Minh Thương dịch, 2019: 302). Lợi dụng sự thiếu hiểu biết, mê tín của nhân dân, Đình Huy đã hút hết máu và hút luôn luân lý, văn hóa và tình người ở Đình Trang. Đáng tiếc là người Đình Trang vẫn mù mờ u mê và căn cốt là không làm gì được Đình Huy, để mặc hắn tung hoành tác quái.

Cũng vậy, đám đông trí thức ở khu Dục Tân không chỉ là nạn nhân của “cấp trên”, của thời đại mà còn là đối tượng bị đồng nghiệp, đồng môn, những người đồng cảnh ngộ lừa gạt, đấu tố, hãm hại. Để quản lý một trăm hai mươi bảy trí thức ở khu Dục Tân 99, “Con trời” dùng thủ đoạn chia để trị: khen thưởng công trạng của người này bằng việc tố giác lỗi lầm của người kia. Đồng thời, hắn còn mua chuộc những kẻ tiểu nhân làm mật thám, ghi chép mọi động tĩnh trong đội. Hậu quả là một không khí ngờ vực, giám sát và phê đấu lẫn nhau bao trùm toàn khu. Chuyện thông dâm giữa học giả và nhạc sĩ nhanh chóng bị phơi bày và trở thành chủ đề bàn tán của đàn ông cũng như đàn bà. Đáng nói hơn, đây là một cơ hội tốt cho những phạm nhân còn lại có thể được khen thưởng, được trở về nhà. Vì thế, cả khu Dục Tân ngày cũng như đêm náo nhiệt hẳn lên vì ai cũng muốn bắt được kẻ phạm tội. Hải hước hơn, những kẻ phạm tội ấy lại

trở thành công cụ để nâng cao tinh thần sản xuất, tăng năng suất lao động cho toàn đội. “Con trời” đã ép học giả và nhạc sĩ vứt bỏ danh dự của kẻ sĩ, nhân phẩm của con người, chấp nhận bị phi nhử ngày ngày để mọi người hung phấn hơn, lao động hăng say hơn, đổi lại họ cũng được tặng hoa đỏ. Vậy là trên cái mũ cao lớn họ viết vô số tội danh “Tội nhân phạm thông dâm”, “Tội phản quốc”, “Tội chống đảng”, “Tội phản bội nhân dân”, “Tội ô nhục dân tộc”, “Tội chống văn minh nhân loại” (Diêm Liên Khoa, 2011a; Châu Hải Đường dịch, 2019: 117). Nhận thấy khổ nhục kẻ của học giả và nhạc sĩ là cách nhanh nhất để được hoa đỏ, những phạm nhân khác cũng tự nguyện phê đầu, tình nguyện được phi nhử, được ô nhục! Những chi tiết trên cho thấy mặt đen tối trong tâm lý nhân vật khi bị đẩy vào môi trường phi lý đến phi nhân. Môi trường ấy là hình ảnh thu nhỏ của đất nước và con người Trung Hoa thời cách mạng Văn hóa - thời kỳ lịch sử đau đớn, tủi nhục nhất trong lịch sử Trung Quốc hiện đại. Trong những bối cảnh xã hội khốc liệt, “muru kế” trong quan niệm của Diêm Liên Khoa không đơn thuần là biểu hiện của sự xảo trá, tráo trở mà trở thành một cơ chế sinh tồn thiết yếu. Nó phản ánh cách con người - đặc biệt là những kẻ ở bờ vực giữa ranh giới sống còn - vận dụng trí tuệ thực dụng để thích nghi, né tránh hoặc đối phó với bạo lực thể chế và sự tha hóa của quyền lực.

Nếu người trí thức trong *Tứ thư* bị tước bỏ quyền làm người, phê đầu lẫn nhau, ăn thịt nhau thì người trí thức trong *Phong Nhã Tụng* cũng lừa dối, đầu đá, muru kế hãm hại nhau. Dương Khoa vui mình trong phòng nghiên cứu để viết cuốn *Phong Nhã chi tụng* - nghiên cứu về tinh thần Kinh thi, hy vọng xuất bản cuốn sách tâm huyết này có thể gây nên một chấn động trong học thuật.

Nhưng hiện thực thời cải cách mở cửa đã đảo lộn mọi giá trị. Vợ Dương, Triệu Như Bình, một gái điếm học thuật và phó hiệu trưởng Lý Quảng Trí là một kẻ hiểm ác lại được tạc tượng, ghi công. Chúng thông dâm với nhau và vô si dùng quyền lực, danh và lợi để bịt mồm Dương bằng những hứa hẹn hão huyền: Dương sẽ trở thành giáo sư, trở thành học giả gương mẫu cấp nhà nước, tiền thưởng năm vạn, ... Tuy nhiên, đó chỉ là kế hoãn binh của Lý, một mặt Lý thỏa mãn tâm lý muốn trở thành yếu nhân của Dương; mặt khác, Lý cấu kết với các thành phần trong ban lãnh đạo để đẩy Dương vào bệnh viện tâm thần, đuổi Dương khỏi trường học và chiếm vợ của anh. Lý và ban lãnh đạo Trường Đại học Thanh Yên đã biến sự kiện Dương cùng sinh viên chống bão cát đêm ngày 4 tháng 6, vốn dĩ, rất nhân văn thành một thảm họa chính trị; “*tổ chức kỷ niệm cuộc biểu tình tại Quảng trường Thiên An Môn lịch sử*”. Họ nhân danh lợi ích chung yêu cầu Dương “*có một chút hy sinh và cống hiến vì nhà trường và nhà nước*”, rồi sắp xếp “*cho giáo sư Dương vào nằm bệnh viện tâm thần*” (Diêm Liên Khoa, 2008; Vũ Công Hoan dịch, 2010: 492). Đó là một liên hoàn kế, mà chủ đạo là kẻ lộng giả thành chân, Dương chính thức trở thành bệnh nhân tâm thần, bị đuổi ra khỏi cộng đồng, công sở và gia đình.

Các kiểu hành vi ứng xử giữa các nhân vật trong tiểu thuyết của Diêm Liên Khoa phản ánh tầng sâu văn hóa của người Trung Hoa. Nếu cấp trên thường nhân danh lợi ích tập thể để muru lợi, còn cấp dưới nguyện ý phục tùng thì giữa các cá nhân trong cộng đồng ấy lại ra sức đầu tố, lừa gạt, ghen ghét lẫn nhau, do đó, kẻ thống trị càng dễ bề lợi dụng. Tâm lý một lòng “vì nhân dân phục vụ” có căn cốt từ truyền thống Nho học đã thần thánh hóa thể chế phân biệt tôn ti, mà

kẻ dưới phải tuyệt đối phục tùng bề trên. Trong ngũ luân (vua-tôi, cha-con, vợ-chồng, anh-em, bè bạn), quan hệ mang tính chất xã hội duy nhất (vua-tôi) cũng được giải thích thành quan hệ cha con (quan với thần như phụ với tử, quan phụ mẫu). Luân lý này nhằm nhấn mạnh tinh thần vô tư, trách nhiệm tự thân của vua đối với tôi, quan đối với dân như trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái. Nhưng luân lý xã hội nhân văn mang tính nội tại, tự nhiên ấy lại chỉ tồn tại như một lý tưởng bị giai cấp cầm quyền lợi dụng để “giáo hóa” người dân. Chính vì thế Lỗ Tấn mới khái quát “*Sách thánh hiền chép toàn những điều nhân nghĩa nhưng người đọc chỉ thấy thấp thoáng giữa các trang sách mấy chữ Ăn thịt người!*” (Lỗ Tấn, 1918; Trương Chính dịch, 2000). Trong cảm quan của họ Diêm, mô hình xã hội Trung Quốc thời hiện đại cũng không khác chế độ phong kiến đã tồn tại hàng nghìn năm trước. Trong xã hội phong kiến, vua là thiên tử, dân là cỏ rác (thảo dân) thì trong xã hội hiện đại, từ Nhân dân xuất hiện, tưởng là biểu hiện của chế độ dân chủ, nhưng lại “chỉ được tạo ra bởi nước bọt của giới quan chức” và giới cầm quyền tự đồng nhất là nhân dân “*Nhân dân chính là Mao Chủ tịch, Mao Chủ tịch chính là Nhân dân*” (Dư Hoa, 2010; Vũ Công Hoan dịch, 2012). Đây thực chất chỉ là một chiến lược chính trị để Mao Trạch Đông thôn tóm quyền lực, chiếm giữ vị trí tối cao. Như vậy, nhà văn không chỉ giải phẫu hành vi văn hóa của các nhân vật mà còn tìm ra cơ chế xã hội đã sản sinh ra các loại hành vi ấy. Như Lý Đà khẳng định “*thể chế đã tạo ra con người. Thể chế đã dị hóa con người. Con người đã bị dị hóa trong thể chế*” (Vương Nghiêu, (-); Đỗ Văn Hiếu dịch, 2017: 183). Bằng cách tạo ra các mô hình xã hội tương đồng với lịch sử và các mô hình tâm lý tính cách điển

hình, tác phẩm của Diêm Liên Khoa không chỉ đối thoại với lịch sử mà còn mang tính chất phản tỉnh sâu sắc. Vì thế, mỗi tác phẩm không chỉ là một hiện tượng văn học gây tiếng vang mạnh mẽ mà còn tô đậm thêm bản sắc tâm lý, văn hóa người Trung Hoa.

2.3. Chiến lược nghệ thuật của tiểu thuyết Diêm Liên Khoa

Là một nhà văn và trước hết là một người Trung Hoa, Diêm Liên Khoa cũng như văn chương của ông không chỉ phản ánh mà còn kết tinh những giá trị văn hóa của dân tộc. Hành trình sáng tạo với ông không chỉ là một cách đối thoại với lịch sử, với ký ức dân tộc mà còn là hành vi sáng tạo văn hóa. Ở đó mỗi tác phẩm thực sự là một chiến lược nghệ thuật nhằm tránh lười kéo kiểng duyệt, đồng thời mở ra những cánh cửa ẩn tàng vẫy gọi người đọc giải mã.

Tác phẩm của họ Diêm gây được tiếng vang mạnh mẽ trong nước lẫn quốc tế không chỉ bởi nội dung tư tưởng mà còn vì những cách tân nghệ thuật độc đáo mà ông tự định danh là chủ nghĩa thần thực (mythorealism). Trong tác phẩm *Phát hiện tiểu thuyết*, Diêm Liên Khoa (2011b) nêu rõ quan niệm về chủ nghĩa thần thực “*Sự đặc sắc mới mẻ của chủ nghĩa thần thực đó là sáng tạo ra hiện thực tìm kiếm hiện thực chứ không phải là mô tả hiện thực*” và để đạt được điều đó thì nhà văn phải “*bỏ qua những quan hệ logic bề mặt của hiện thực đời sống*”, đào sâu vào “*một dạng chân thực không tồn tại*”, một “*thực tại không nhìn thấy*”, “*một hiện tượng bị che lấp*” (Moratto và Choy, 2022: xxxvii). Quan niệm này không chỉ là phần lý thuyết thêm vào cho một truyền thống văn học Trung Hoa hiếu kỳ đã tồn tại hàng nghìn năm, cũng không hẳn là phân gia công cho chủ nghĩa hiện thực huyền ảo đang tân kỳ trên thế giới, mà là kết tinh từ trải nghiệm cá nhân sâu sắc

của nhà văn. Cảnh tượng “chân thực của không chân thực”, “tồn tại của không tồn tại” với đàn bướm trắng ngợp trời trên quan tài của cặp vợ chồng trẻ, trở thành “hạt giống trải nghiệm” đã “khởi ngộ” “thế giới quan và văn học quan của tôi” (Diêm Liên Khoa, 2008; Vũ Công Hoan dịch, 2010: 492). Từ phát hiện này tác phẩm của ông không chỉ thay đổi về cấu tứ mà ý nghĩa bản thể của việc sáng tạo trở nên giản dị mà sâu sắc hơn: một nỗ lực biểu đạt trọn vẹn hơn cái “tôi” của nhà văn. Để đi đến cái “bờ bên kia của hiện thực” ông đã tổ chức văn bản tác phẩm một cách linh hoạt, mỗi cuốn tiểu thuyết là một chiến lược nghệ thuật: từ nhan đề đến kết cấu, từ nghệ thuật trần thuật đến các thủ pháp, ngôn ngữ đều được đặt trong mối quan hệ đa chiều với hiện thực, với lịch sử văn hóa dân tộc. Quan niệm và sự thực hành chủ nghĩa thần thực ấy, một mặt, đóng góp lớn cho sự phát triển về nghệ thuật tiểu thuyết nói chung, mặt khác, phản ánh kiểu tư duy chiến lược của người Trung Hoa.

Đặt tên cho tác phẩm là công việc không dễ dàng đối với người nghệ sĩ. Nhan đề hay phải nêu bật được hồn cốt văn bản một cách ấn tượng và vẫy gọi người đọc tham gia vào quá trình giải mã. Nhà văn họ Diêm có tài tổ chức “đội quân ngôn ngữ” nên từ nhan đề đến kết cấu có sự thống nhất chặt chẽ, hấp dẫn đến bất ngờ. Những tên sách *Nàng Kim Liên ở trấn Tây Môn*, *Kiên ngạnh như thủy*, *Vì nhân dân phục vụ*, *Phong Nhã Tụng*, *Tứ thư*, *Đinh Trang mộng*, ... đều gợi dẫn những điển mẫu trong lịch sử, văn học và văn hóa Trung Quốc. Nó là “một dạng thức liên văn bản” và “trở thành một sách lược tự sự độc đáo” (Nguyễn Thị Tịnh Thy, 2018: 61). Vay mượn lịch sử, truyền thống là điều dễ thấy nhưng hấp dẫn nhất là Diêm Liên Khoa làm mới điển mẫu theo cách riêng, không chỉ

truyền dẫn được không khí của thời hiện đại mà còn lay động con người bằng tiếng cười hài hước đến tuyệt vọng.

Nàng Kim Liên ở trấn Tây Môn, *Phong Nhã Tụng*, *Tứ thư* và *Đinh Trang mộng* đều gợi nhắc đến những tác phẩm trong văn học cổ điển Trung Quốc. *Đinh Trang mộng* dễ tạo liên tưởng đến *Hồng lâu mộng* của Tào Tuyết Cần (Cao Ngạc) và làm giàu thêm motif nhập mộng trong truyền thống văn học Trung Quốc với những *Nam hoa kinh* (Trang Tử), *Nam Kha thái thú truyện* (Lý Công Tá), *Châm trung ký* (Thẩm Tế Ký). *Nàng Kim Liên ở trấn Tây Môn* là một dạng viết lại/ viết tiếp đầy hấp dẫn về cuộc đời và số phận của Kim Liên trong *Kim Bình Mai* và *Thủy hử truyện*. *Phong Nhã Tụng* và *Tứ thư* cũng là một dạng viết lại thư tịch cổ nhưng theo hướng đảo ngược. Thơ trong *Kinh thi* (Phong, Nhã, Tụng) và *Tứ thư* (Luận ngữ, Mạnh Tử, Đại học, Trung dung) là những sách thánh hiền, là đạo của người quân tử thời phong kiến. Tác phẩm của Diêm Liên Khoa là hành trình của kẻ sĩ thời hiện đại bị tha hóa đạo đức, dọa đầy trong đói khát, tủi nhục và những xung đột nhân tính đến mức phi nhân. *Kiên ngạnh như thủy* (cứng rắn như nước) là một câu thành ngữ khẳng định sự mềm yếu mà bất bại của nước. Thành ngữ này gợi nhắc đến học thuyết của Lão tử, một trong hai hệ tư tưởng cốt lõi tạo dựng nên bản sắc Trung Hoa thời cổ đại. *Vì nhân dân phục vụ* lại là một khẩu hiệu phổ biến, nam phụ lão ấu ở Trung Quốc nửa sau thế kỷ XX đều biết.

Nếu những nhan đề *Nàng Kim Liên ở trấn Tây Môn*, *Đinh Trang mộng* và *Kiên ngạnh như thủy* tương đồng về ý nghĩa với nội dung tác phẩm, với các văn bản truyền thống thì ở *Vì nhân dân phục vụ*, *Phong Nhã Tụng* và *Tứ thư* lại là một tiếng cười châm biếm, một sự đảo ngược đầy tương phản với

toàn bộ câu chuyện được kể lần các văn bản đã có trước đó. Dù là tương đồng hay tương phản thì những nhan đề này vẫn là một “quân cờ” có ý nghĩa chiến lược đối với toàn bộ kết cấu tác phẩm.

Tiểu thuyết Diêm Liên Khoa thường có kết cấu độc đáo từ bề mặt đến bề sâu. Nếu kết cấu bề mặt là các chương mục rõ ràng như các ô trong bàn cờ vậy thì kết cấu bề sâu là những khả năng về những nước cờ khác nhau. Cụ thể *Phong Nhã Tụng* được chia thành mười hai phần theo tự thuật về cuộc đời và số phận của Dương Khoa. Điều đáng nói là ở mỗi phần có nhiều chương không đều nhau và tên mỗi chương là tên một bài thơ trong *Kinh thi*, mà nội dung bài thơ ấy có mối quan hệ vô cùng mật thiết, hoặc tương đồng hoặc tương phản với cảnh ngộ, tâm thái mà Dương Khoa đang trải qua. Điều này không những phản ánh quá trình nghiên cứu *Kinh thi* nghiêm túc, công phu mà còn là tài năng, tâm huyết, và trách nhiệm thôi thúc nhà văn truy tìm con đường *trở về* của người trí thức, như *Kinh thi* là hồn cốt tinh hoa dân tộc Trung Hoa.

Kết thúc tác phẩm bất ngờ cũng là một chiến lược nghệ thuật táo bạo đặc biệt là trong *Kiên ngạnh như thủy* và *Vì nhân dân phục vụ*. Ở cả hai tác phẩm này, khi con đường lý tưởng (cách mạng và tình dục) của các nhân vật (Cao Ái Quân - Hạ Hồng Mai và Ngô Đại Vượng - Lưu Liên) đang ở cao trào, như báo hiệu sự thành công tất yếu, biến cố đột ngột xảy ra làm thay đổi hoàn toàn cục diện. Điều này có thể hiểu được vì nó hợp với logic tác phẩm. Song cái cách mà nó xảy ra mới thật sự có ý nghĩa chiến lược. Tưởng quyền lực mơ ước đã nắm chặt trong tay thì một sự việc vô tình xảy ra, biến tất cả “công cuộc cách mạng” của Cao Ái Quân và Hạ Hồng Mai trở thành bọt biển. Trước khoảnh khắc tuyên bố Cao sẽ làm

trần trường hay bí thư huyện, Hồng Mai sẽ là chủ tịch hội Phụ nữ hay thư ký của trần trường, bí thư Quan phát hiện bị mất tấm ảnh chụp chung với Giang Thanh (vợ Mao Trạch Đông), dưới tấm ảnh viết dòng chữ “phu nhân thân yêu của tôi” (Diêm Liên Khoa, 2001; Minh Thương dịch, 2014a: 325). Nghi ngờ Cao và Mai đã giấu nên thái độ của ông đối với tiền đồ của hai người thay đổi hoàn toàn: tổng họ vào ngục giam mà không nói rõ lý do. Điều này không chỉ bất ngờ đối với các nhân vật mà người đọc cũng không hiểu nguyên do. Một trăm trang sau mọi chuyện mới được cấp dưới của bí thư Quan làm sáng rõ “*nếu bức ảnh rơi vào tay người khác thì bí thư Quan không chỉ mất quan, mà có thể còn mất mạng*” (Diêm Liên Khoa, 2001; Minh Thương dịch, 2014a: 425-426). Vậy bức ảnh và dòng chữ ấy chứa đựng bí mật khủng khiếp như thế nào mà khiến Cao Ái Quân và Hạ Hồng Mai phải tuyệt đường quan lộ và mạng sống cũng không thể giữ? Hơn nữa, mối quan hệ giữa tình ái và cách mạng giữa Cao Ái Quân và Hạ Hồng Mai khiến ta liên tưởng đến mối quan hệ giữa bí thư Quan và chiến hữu Giang Thanh. Ái tình và cách mạng điên rồ của họ là một chỉ dẫn để ta hiểu thêm về cách mạng Trung Hoa, cuộc cách mạng long trời lở đất rồi cuộc cũng chỉ là trò hề tình ái. Và càng nực cười hơn, Cao và Mai luôn nhân danh cách mạng, đến lượt mình cũng trở thành công cụ để người khác nhân danh.

Mối tình cuồng nhiệt giữa Lưu Liên và Đại Vượng (*Vì nhân dân phục vụ*) cũng đột ngột chấm dứt khi Lưu Liên có thai. Toàn bộ đại đội bị giải tán mà không hiểu nguyên do, duy nhất Ngô Đại Vượng được chuyển công tác, được khen thưởng nhưng thực chất là một đòn trừng phạt ngầm ngấm. “*Ba hôm sau, sự đoàn tuyên bố giải tán. Những*

ai biết câu chuyện tình dục, tình yêu giữa Lưu Liên và Ngô Đại Vượng đều ra đi, những ai không biết cũng đi hết. Một bí mật được chôn sâu trong lãng quên của mọi người, giống như một thỏi vàng bị vứt ra biển lớn” (Diêm Liên Khoa, 2005; Vũ Công Hoan dịch, 2008). Kết thúc này như một ám chỉ về cách giới cầm quyền Trung Quốc chôn vùi những sự kiện không đáng có trong lịch sử: hãy tẩy trắng và lãng quên.

Bên cạnh nhan đề và kết cấu, thủ pháp trần thuật mà cụ thể là người kể chuyện cũng là một sách lược đặc biệt. Tác phẩm của Diêm Liên Khoa, dù viết về người nông dân, trí thức hay người làm cách mạng thì đều phản ánh một cách độc đáo nhờ điểm nhìn khác lạ của người kể chuyện (NKC). Hồn ma cậu bé Tiểu Cường - NKC trong *Đinh Trang mộng* là lựa chọn để tối ưu hóa năng lực trần thuật, xuyên vào cõi thực lẫn cõi mộng để phơi bày một cách chân xác và hồn nhiên những mặt tối của xã hội và lòng người. Hoặc viết về cách mạng văn hóa từ điểm nhìn của nạn nhân thì đã có rất nhiều nhà văn khai thác, họ Diêm chọn điểm nhìn của kẻ trong cuộc, kết hợp với thủ pháp giễu nhại, những trò hề trong con lóc cách mạng và tình ái của nhân vật được tự họ lột trần. Sự suy yếu nhân tính của người trí thức cũng được nhân vật tự thuật một cách hài hước đến phi lý trong *Phong Nhã Tụng*, một cách bi thảm đến tuyệt vọng trong *Tử thư*... Như vậy, mỗi câu chuyện không chỉ mang kết cấu và giọng điệu riêng, mà nhà văn còn lựa chọn dạng thức trần thuật phù hợp nhất, nhằm khắc họa rõ nét tác động của hoàn cảnh lịch sử - xã hội và bối cảnh văn hóa đến hành vi, tư duy và đời sống tinh thần của con người.

Ở phương diện ngôn ngữ, mỗi văn bản nhà văn thiết lập một cái bẫy: *Kiên ngạnh như thủy* ken dày hai chữ “cách mạng”, *Vì*

nhân dân phục vụ trích dẫn châm ngôn, khẩu hiệu cách mạng, hay *Đinh Trang mộng* thì tràn ngập máu và cái chết, ... Tuy nhiên, ngôn ngữ trong tiểu thuyết của ông thường mang ý nghĩa lộn trái, cuồng hoan hoặc giễu nhại. Đơn cử là màn lạm dụng mỹ từ ca ngợi Ngô Đại Vượng nhưng thực chất là ngón đòn của Sư trưởng mà chỉ những người trong cuộc mới hiểu; âm thanh của những từ sáo rỗng ấy va vào nhau loảng xoảng, va vào hiện thực và cảnh ngộ của nhân vật lại càng chua chát: “*Ngô Đại Vượng giác ngộ cao, tư tưởng đỏ, đạo đức tốt, là phần tử tích cực học tập tác phẩm nổi tiếng của Mao Chủ tịch, mà còn nói được làm được, lời nói đi đôi với việc làm, bằng hành động thực tế thực hiện tôn chỉ toàn tâm toàn ý vì nhân dân phục vụ, được sư đoàn bình bầu là chiến sĩ thi đua vì nhân dân phục vụ duy nhất toàn sư đoàn*” (Diêm Liên Khoa, 2005; Vũ Công Hoan dịch, 2008).

Như vậy, từ quan niệm tiểu thuyết thần thực, Diêm Liên Khoa đã ý thức sâu sắc về các chiến lược, sách lược nghệ thuật nhằm mô tả những dạng hiện thực khác nhau của lòng người và xã hội. Ông đã nhìn thấy và cho người đọc thấy được những mặt trái của xã hội, những mặt tối của lòng người được hình thành trên nền những thiết chế phi nhân. Trong mô hình đó, muôn mặt xấu xí của người Trung Hoa lộ diện cùng tâm lý tôn sùng mưu kế. Những nỗ lực sáng tạo và phát hiện về chủ nghĩa thần thực đã chấp thêm đôi cánh mộng tưởng để ông đề cập đến những vấn nạn xã hội khốc liệt. Tiểu thuyết của Diêm Liên Khoa từ nhan đề, kết cấu đến nghệ thuật trần thuật vừa tự thân độc lập vừa như một mắt xích quan trọng trong mô hình trò chơi văn bản mà nhà văn đã dày công xây dựng. Sự dũng cảm đối diện với hiện thực kết hợp với tài năng nghệ thuật bậc thầy đã định vị tiểu thuyết họ

Diêm vừa kết tinh màu sắc Trung Hoa, vừa mang tính nhân loại sâu sắc.

3. Kết luận

Người Trung Hoa đã xây dựng nên một nền văn minh rực rỡ kéo dài hàng nghìn năm. Những đặc điểm địa lý - sinh thái kết hợp với điều kiện chính trị - xã hội, đặc biệt là các cuộc chiến tranh liên miên giữa các tập đoàn phong kiến, đã góp phần hình thành tâm lý coi trọng mưu kế trong đời sống văn hóa của người Trung Quốc. Trong tiểu thuyết của Diêm Liên Khoa, nét tâm lý ấy càng trở nên sắc nét và nhuốm màu sắc tiêu cực, phản ánh cơ chế sinh tồn của con người trong bối cảnh xã hội khắc nghiệt, phi nhân.

Hoạt động sáng tạo của Diêm Liên Khoa kết tinh bản sắc dân tộc sâu sắc. Bằng cách kết nối quá khứ với thực tại, huyền thoại với lịch sử mỗi tác phẩm không chỉ là sự đối thoại với những ký ức của dân tộc mà còn là cách nhà văn đối diện với trách nhiệm với nhà văn, với lương tâm của thời đại. Đọc Diêm Liên Khoa từ góc nhìn tâm lý văn hóa, ta nhận thấy, hành trình sáng tạo của ông như là một quá trình giải phẫu tâm hồn người Trung Hoa. Và thông qua cuộc đại phẫu đó, ông chỉ ra rằng quốc dân tính không phải là bản chất bẩm sinh, mà là hệ quả trực tiếp của bối cảnh lịch sử - xã hội cụ thể.

Tiểu thuyết của Diêm Liên Khoa tô đậm truyền thống tâm lý coi trọng văn hóa mưu kế - một hằng số trong vô thức tập thể của người Trung Hoa. Vượt lên trên chức năng phản ánh hiện thực, tác phẩm của ông trở thành tấm gương soi chiếu căn tính dân tộc trong chiều sâu của vô thức văn hóa. Trong ý nghĩa đó, văn học của Diêm Liên Khoa không chỉ giúp người Trung Quốc nhận diện chính mình, mà còn mở ra những khả thể để phân còn lại của thế giới hiểu và điều chỉnh cách tiếp cận với Trung Quốc,

đặc biệt trong bối cảnh quốc gia này đang trỗi dậy mạnh mẽ, làm thay đổi cán cân quyền lực toàn cầu.

Đạo đức công bố

Tác giả đảm bảo các chuẩn mực chung về đạo đức nghiên cứu và công bố khoa học.

Tài liệu tham khảo

- Bateson, G., and Mead, M. (1942). *Balinese character: A photographic analysis*. New York Academy of Sciences.
- Benedict, R. (1947). *The chrysanthemum and the sword; patterns of Japanese culture*. London, Secker & Warburg.
- Dur Hoa (2010). *La Chine en dix mots* (十个词汇里的中国, China in Ten Words). Vũ Công Hoan dịch (2012). *Trung Quốc trong mười từ vựng*. Nguồn: <http://vietnamthuquan.eu/truyen/truyen.aspx?tid=2qtqv3m3237nvn4n2nmn2n31n343tq83a3q3m3237nvn&AspxAutoDetectCookieSupport=1#phandau>.
- Diêm Liên Khoa (2001). *坚硬如水* (Hard Like Water). Minh Thương dịch (2014a). *Kiên ngạnh như thủy*. Hà Nội, Nxb Hội Nhà văn - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.
- Diêm Liên Khoa (2005). *为人民服务* (Serve the People!). Vũ Công Hoan dịch (2008). *Người tình phu nhân sư trưởng*. Hà Nội, Nxb Thanh niên.
- Diêm Liên Khoa (2006). *丁庄梦* (The Dream of Ding Village). Minh Thương dịch (2019). *Đinh Trang mộng*. Hà Nội, Nxb Hội Nhà văn.
- Diêm Liên Khoa (2008). *風雅頌* (The Odes of Songs). Vũ Công Hoan dịch (2010). *Phong Nhã Tụng*. Hà Nội, Nxb Dân trí.
- Diêm Liên Khoa (2014). *Sứ mệnh với bóng tối* (Diễn từ nhận giải thưởng văn học Kafka).

- Minh Thương dịch (2014b). Nguồn: <http://vanhoanghean.com.vn/chi-tiet-tin-tuc/10299-su-menh-voi-bong-toi>.
- Diêm Liên Khoa (2011a). 四书 (The Four Books). Châu Hải Đường dịch (2019). *Tứ thư*. Hà Nội, Nxb Hội Nhà văn.
- Diêm Liên Khoa (2011b). *Phát hiện tiểu thuyết* (Bản gốc tiếng Trung: 发现小说). Thiên Tân, Nxb Đại học Nankai.
- Đỗ Lai Thúy (biên soạn và giới thiệu) (2007). *Phân tâm học và tính cách dân tộc*. Hà Nội, Nxb Tri thức.
- Jullien, F. (1995). *Le détournement et l'accès Stratégies du sens en Chine, en Grèce*. Hoàng Ngọc Hiến, Phan Ngọc và Minh Chi (2011). *Đường vòng và lối vào: những chiến lược ý nghĩa ở Trung Hoa, ở Hy Lạp*. Đà Nẵng, Nxb Đà Nẵng.
- Jaspers, K. (1953). *The Origin and Goal of History*. New Haven, Yale University Press.
- Hoàng Phê (chủ biên), Bùi Khắc Việt, Chu Bích Thu, Đào Thản, Hoàng Tuệ, Hoàng Văn Hành, Lê Kim Chi, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Ngọc Trâm, Nguyễn Thanh Nga, Nguyễn Thúy Khanh, Nguyễn Văn Khang, Phạm Hùng Việt, Trần Cẩm Vân, Trần Nghĩa Phương, Vũ Ngọc Bảo và Vương Lộc (2003). *Từ điển tiếng Việt*. Đà Nẵng, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học.
- Liu, H. (2017). Chinese stratagem culture: Nature, formation, and implications. *Journal of Transnational Management*, 22(1): 53-58. <https://doi.org/10.1080/15475778.2017.1274614>.
- Lỗ Tấn (1918). 狂人日記 (Diary of a Madman). Trương Chính dịch (2000). *Tuyển tập Lỗ Tấn*. Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Tịnh Thy (2018). Liên văn bản trong tiểu thuyết của Diêm Liên Khoa. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 15(8): 60-70.
- Nguyễn Thị Tuyết (2023). Mộng và cấu trúc tiểu thuyết Đinh Trang mộng của Diêm Liên Khoa. *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến*, 9(2): 64-77. <https://doi.org/10.58810/vhujs.9.2.2023.395>.
- Moratto, R. and Choy, H. Y. F. (2022). *The Routledge Companion to Yan Lianke*. Routledge.
- Tôn Vũ (-). *Bình pháp Tôn Tử và 36 mưu kế*. Minh Đức và Minh Lâm dịch (2023). Hà Nội, Nxb Hồng Đức.
- Vương Nghiêu (-). *Văn học đương đại Trung Quốc - Tác giả và luận bình*. Đỗ Văn Hiều dịch (2017). Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội.